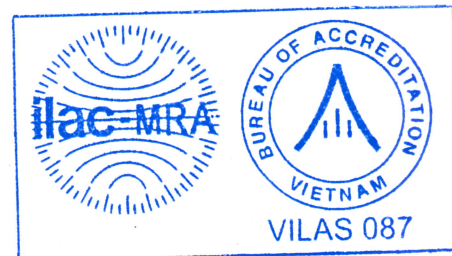




BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM

Số: 15/2021

HÀ THỦ Ô ĐỎ

(Radix Fallopiae multiflorae)

SKS: HP0221018

Rễ củ phơi hay sấy khô của cây Hà thủ ô đỏ [*Fallopia multiflora* (Thunb.) Haraldson Syn. *Polygonum multiflorum* (Thunb.)], họ Rau răm (Polygonaceae), đã được nghiền thành bột.

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong các phép thử soi bột, định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả

Bột màu nâu hồng.

III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Hà thủ ô đỏ (NIFDC – Trung Quốc), SKS: 120934 – 201410.

Chất chuẩn emodin (USP RS), SKS: F049E0, HL: 98,6 % ($C_{15}H_{10}O_5$), tính theo nguyên trạng.

Chất chuẩn physcion (Phytolab – Đức), SKS: 89757, HL: 98,08 % ($C_{16}H_{12}O_5$), tính theo nguyên trạng.

Chất chuẩn 2,3,5,4'-Tetrahydroxystilben-2-O- β -D-glucosid (NIFDC – Trung Quốc), SKS: 110844-201814; HL: 91,0 % ($C_{20}H_{22}O_9$), tính theo nguyên trạng.

IV. Kết quả phân tích

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Bột | : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Hà thủ ô đỏ. |
| 2. Tro toàn phần | : 3,4 %. |
| 3. Tro không tan trong acid | : 0,2 %. |

4. Định tính

Phản ứng hóa học : Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Hà thủ ô đỏ.

Phương pháp SKLM

Phương pháp 1* : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Hà thủ ô đỏ, trong đó có một vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết emodin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Phương pháp 2** : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết phát quang có cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Hà thủ ô đỏ.

5. Độ ẩm : 4,4 %.

Phương pháp sấy (1g, 105°C, 5h)

6. Chất chiết được trong dược liệu : 32,2 %.

Phương pháp chiết lạnh, dùng ethanol 30 % làm dung môi.

7. Định lượng

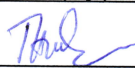
Anthraquinon kết hợp : 0,1 % anthraquinon kết hợp (CAQ), tính theo tổng hàm lượng của emodin ($C_{15}H_{10}O_5$) và physcion ($C_{16}H_{12}O_5$), tính theo dược liệu khô kiệt.

2,3,5,4' – Tetrahydroxystilben – 2 : 2,8 % 2,3,5,4' – tetrahydroxystilben – 2 – O – β – D – glucosid ($C_{20}H_{22}O_9$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	05/2022	
05/2022	05/2023	
05/2023	05/2024	
05/2024	05/2025	

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG



Đoàn Cao Sơn

(*): Dược điển Việt Nam V

(**): Dược điển Trung Quốc 2015

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>